

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/3/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng.

2. Ông Phan Văn Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 458/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Lại Văn Ph, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Chị H, anh Ph có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày: Chị với anh Ph chung sống vợ chồng năm 2004, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nguyên nhân do bất đồng ý kiến, anh Ph cờ bạc gây nợ cho gia đình, sống không hòa hợp trong thời gian dài, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn mặc dù cha mẹ hai bên đã khuyên nhủ. Do mâu thuẫn vợ

chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Có hai con chung tên Lại Cao N, sinh ngày 05/6/2001 và Lại Thị Ngọc L, sinh ngày 27/11/2007 chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000 đồng, đến khi cháu L đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2018, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Ph trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn, nhưng anh thấy mâu thuẫn không lớn, anh thừa nhận có cờ bạc nhưng anh đã sửa đổi, lo làm ăn, chăm lo gia đình và vợ con. Ngược lại, chị H đã lừa dối yêu cầu anh sang tên căn nhà cho chị H, sau đó xin ly hôn để chiếm căn nhà. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh không đồng ý vì còn thương vợ con và muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng để cùng chăm sóc con.

Về con chung: Có hai con chung tên Lại Cao N, sinh ngày 05/6/2001 và Lại Thị Ngọc L, sinh ngày 27/11/2007. Ly hôn anh đồng ý giao cháu N và cháu L cho chị H nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lam mỗi tháng 1.000.000 đồng theo yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh Ph là hợp pháp. Chị H xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng như trên. Nay chị H xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn với anh Ph. Xét thời gian dài vợ chồng sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Anh Ph xác định còn thương vợ nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay cũng không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặt khác, tại phiên tòa anh Ph vẫn không có lòng tin đối với chị H. Hơn nữa, chị H xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Ph và vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Ph.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H, anh Ph có hai con chung tên Lại Cao N, sinh ngày 05/6/2001 và Lại Thị Ngọc L, sinh ngày 27/11/2007. Cháu N, cháu L có nguyện vọng được sống với chị H nếu cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, anh Ph cũng đồng ý giao cháu N và cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với

quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H, thấy: Tại phiên tòa, anh Ph đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu L đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị H, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Ph xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim H ly hôn với anh Lại Văn Ph.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lại Văn Ph như sau:

2.1. Giao hai cháu Lại Cao N, sinh ngày 05/6/2001 và Lại Thị Ngọc L, sinh ngày 27/11/2007 cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Lại Văn Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2018. Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, do chị H không yêu cầu.

3. Anh Ph có quyền, nghĩa thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ph chậm thi hành tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5. Về án phí:

5.1. Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15011

ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị H đã thi hành xong án phí.

5.2. Anh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị H, anh Ph có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức